

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BA  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21** /2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 12 tháng 6 năm 2018  
V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hữu Khải**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Vương Thị Thu;**

2. Ông **Hà Ngọc Lĩnh.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Bùi Thị Duyên**

Ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Mai Thị Kim N** - Sinh năm 1996 (Có mặt);

Nơi ĐKNKTT: Khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh P;

Nơi ở hiện tại: Khu 7, xã T, huyện T, tỉnh P;

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H** - Sinh năm 1992 (Vắng mặt);

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh P;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Mai Thị Kim N trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn với nhau ngày 27/02/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn chị về làm dâu gia đình anh H, hai vợ chồng sống chung với bố mẹ anh H. Tình cảm vợ chồng hạnh phúc được hơn 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn phát sinh từ tháng 7/2015 do mẹ đẻ chị đi mỗ u, gia đình anh H không cho chị đi chăm sóc mẹ, anh H xuống viện chửi bới và đánh chị, khi mẹ chị ra viện về nhà anh H cầm dao lên hăm dọa chị. Chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 7/2015 đến tháng 1/2016 anh H xin lỗi nên chị lại quay về chung sống, đến tháng 5/2016 anh chị lại mâu thuẫn, anh H vẫn không thay đổi, vũ phu. Chị và anh H sống ly thân từ đó đến nay. Chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh H không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung, tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình

và đất nông nghiệp: Chị xác nhận chị và anh H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Nguyễn Văn H vắng mặt nhưng đã có lời khai tại Tòa án với nội dung sau:**

Anh và chị N kết hôn với nhau ngày 27/02/2014, tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh P. Vợ chồng chung sống được khoảng 3 năm, quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyện vọng của anh cũng nhất trí được ly hôn với chị Ngân.

Về con chung, tài sản chung và đất nông nghiệp: Anh xác nhận anh và chị Ngân không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Giai đoạn chuẩn bị xét xử:** Anh H có bản tự khai tại Tòa án, sau đó Tòa án báo gọi anh H nhiều lần nhưng anh H không đến. Tòa án đã giao hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải nhưng bị đơn là anh Nguyễn Văn H vẫn vắng mặt không có lý do, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa hôm nay chị Mai Thị Kim N vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và căn cứ vào kết quả tranh luận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn là anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử đến lần thứ hai, nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2]. Về quan hệ hôn nhân:** Hôn nhân giữa chị Mai Thị Kim N và anh Nguyễn Văn H là hôn nhân hợp pháp, bởi lẽ được đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh P. Vợ chồng anh chị chung sống được 3 năm, trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị N và anh H sống ly thân từ tháng 5 năm 2016 đến nay. Quan điểm của chị N và anh H đều xin được ly hôn.

Tòa án đã thông báo cho anh H đến để giải quyết những vấn đề tiếp theo như hòa giải, nhưng anh H không có mặt. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài do chị N và anh H đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2016 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được; Mặt khác trong bản tự khai của anh H, nguyện vọng của anh cũng yêu cầu được ly hôn chị N. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị Kim N đối với anh Nguyễn Văn H là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

**[3]. Về con chung, tài sản chung và đất nông nghiệp:** Chị Mai Thị Kim N và

anh Nguyễn Văn H xác nhận đều không có. Nhưng do anh H vắng mặt tại phiên tòa nên không đặt ra giải quyết trong vụ án ly hôn này, sẽ giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

**[4]. Về công nợ chung, công sức đóng góp:** Chị N xác định không có còn anh H không đề cập đến trong bản tự khai. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến vấn đề này, tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

**[5]. Án phí ly hôn sơ thẩm:** Chị Mai Thị Kim N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Xử:** Cho chị **Mai Thị Kim N** được ly hôn anh **Nguyễn Văn H**.

**Về con chung, tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp và đất nông nghiệp:** Không đề cập giải quyết trong vụ án ly hôn này. Sẽ giải quyết bằng vụ án khác nếu đương sự có đơn yêu cầu.

**Về án phí:** Chị Mai Thị Kim N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Mai Thị Kim N đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba theo biên lai thu số AA/2015/0004080 ngày 29/01/2018.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện; tỉnh
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn, bản án.
- UBND Thị Trấn T.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Khải**